

Số: 516/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 11 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ HAI MƯỜI BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng
Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách
năm 2025;

Thực hiện Kết luận số 821-KL/TU ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Ban
Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 về kế hoạch phát triển
kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách nhà nước và phương
án phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025;

Xét Báo cáo số 197/BC-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 và dự
kiến kế hoạch năm 2025, Báo cáo thẩm tra số 1004/BC-KTNS ngày 09 tháng 12
năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận ngày 10 tháng 12 năm
2024 và kết quả biểu quyết của các đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định Kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2025
với các nội dung sau:

1. Tổng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 là **28.781.567**
triệu đồng, bao gồm:

1.1. Vốn ngân sách địa phương: 28.563.840 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách tập trung: 1.040.840 triệu đồng;

- Nguồn thu từ tiền sử dụng đất 27.500.000 triệu đồng;

- Nguồn thu tiền xổ số kiến thiết 23.000 triệu đồng;

1.2. Vốn ngân sách Trung ương: 217.727 triệu đồng.

(Phụ lục số I chi tiết kèm theo)

2. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kế hoạch vốn đầu tư năm 2025

- Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định. Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tuân thủ thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định tại Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 365/2021/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025.

- Đáp ứng điều kiện bố trí vốn hàng năm theo quy định tại Điều 53 Luật Đầu tư công; đảm bảo thời gian bố trí vốn cho dự án theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công.

- Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế dự kiến giải ngân vốn đến hết năm 2024 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao cho dự án trừ đi số vốn đã giải ngân năm 2021, 2022, 2023 và dự kiến giải ngân năm 2024 (bao gồm số vốn được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024). Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2025.

- Chỉ thực hiện bố trí vốn cho các dự án khởi công mới sau khi đã hoàn thành thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi toàn bộ vốn ứng trước theo quy định.

- Việc bố trí vốn cho từng dự án theo thứ tự ưu tiên như sau:

+ Thanh toán đủ số nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có), thu hồi toàn bộ vốn ứng trước còn lại phải thu hồi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

+ Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2025, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, các dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2025, giảm tối đa thời gian bố trí vốn của các dự án so với thời gian bố trí vốn quy định tại khoản 2 Điều 52 của Luật Đầu tư công (dự án nhóm A không quá 6 năm, nhóm B không quá 04 năm và nhóm C không quá 3 năm);

+ Ưu tiên bố trí đủ vốn theo cam kết cho các dự án trọng điểm theo tiến độ thực hiện dự án;

+ Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, số vốn còn lại mới bố trí cho các dự án khởi công mới đã đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

3. Phương án phân bổ

Tổng nguồn vốn đầu tư công kế hoạch năm 2025 là **28.781.567 triệu đồng** thực hiện phân bổ như sau:

3.1. Nguồn vốn đầu tư công cấp tỉnh quản lý **18.652.927 triệu đồng**

a) Nguồn vốn ngân sách trung ương là **217.727 triệu đồng**

- Phân bổ cho 01 dự án hoàn thành để thu hồi vốn ứng trước số vốn là 2.838 triệu đồng;

- Phân bổ cho 03 dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025 với số vốn là 214.889 triệu đồng, trong đó phân bổ Dự án thành phần 1.2 của Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 4 Vùng thủ đô Hà Nội: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm hệ thống đường cao tốc, đường song hành (đường đô thị), hạ tầng kỹ thuật và hành lang dự trữ đường sắt quốc gia) thuộc địa phận tỉnh Hưng Yên, số vốn: 86.127 tỷ đồng.

(Phụ lục số II chi tiết kèm theo)

b) Nguồn vốn ngân sách địa phương là **18.435.200 triệu đồng**, gồm:

- Nguồn ngân sách tập trung 800.000 triệu đồng, phân bổ cho các dự án hoàn thành, dự án chuyển tiếp.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất là 17.612.200 triệu đồng, phân bổ chi tiết:

+ Các chương trình, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công 17.534.660 triệu đồng, trong đó phân bổ chi tiết các nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện là 6.729.584 triệu đồng (*vốn chưa phân bổ chi tiết 10.805.076 triệu đồng*); đối với các dự án chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư (chưa có quyết định phê duyệt dự án) sẽ tiếp tục thực hiện phân bổ chi tiết sau khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định.

+ Các nhiệm vụ đầu tư phát triển khác số vốn là: 77.540 triệu đồng, gồm: Phân bổ cho Trung tâm phát triển quỹ đất để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất đã ứng 17.540 triệu đồng; Cấp vốn ủy thác qua Ngân hàng CSXH - Chi nhánh tỉnh Hưng Yên 60.000 triệu đồng.

- Nguồn thu từ xổ số kiến thiết: 23.000 triệu đồng, phân bổ chi tiết cho các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo khi đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

Đối với số vốn còn lại chưa phân bổ chi tiết (bao gồm cả kế hoạch vốn đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn đã giao danh mục chi tiết), phân bổ cho các công trình, dự án sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư và có đủ căn cứ phân bổ vốn theo quy định.

(Phụ lục số III, IIIa, IIIb chi tiết kèm theo).

3.2. Nguồn vốn đầu tư công cấp huyện, cấp xã quản lý là **10.128.640 triệu đồng**

- Nguồn ngân sách tập trung phân cấp cho cấp huyện theo Nghị quyết số 365/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của HĐND tỉnh là 240.840 triệu đồng.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về cấp huyện, cấp xã quản lý là 9.887.800 triệu đồng (trong đó: cấp huyện quản lý là 6.332.000 triệu đồng; cấp xã quản lý là 3.555.800 triệu đồng, do cấp huyện, cấp xã phân bổ cho các công

trình, dự án thuộc phạm vi quản lý, có trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và đảm bảo nguyên tắc phân bổ vốn tại Mục 2 Điều 1 của Nghị quyết này).

(Phụ lục số IV chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và Kết luận số 821-KL/TU ngày 05/12/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025. Trong đó, các nội dung điều chỉnh danh mục và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025; phân bổ chi tiết một số nguồn vốn bổ sung, tăng thu (nếu có), các nguồn vốn chưa có phương án phân bổ chi tiết đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo thẩm quyền để xem xét, quyết định, cho ý kiến theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVII, kỳ họp thứ Hai mươi ba nhất trí thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. / *Nguyễn Văn Tuấn*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTWQH;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện, thị xã, TP;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Công TTĐT đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV^M.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Toàn

Phụ lục số I

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 TỈNH HƯNG YÊN

(Kèm theo Nghị quyết số 516/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG SỐ	28.781.567	
A	KẾ HOẠCH VỐN GIAO TRONG NĂM	28.781.567	
I	Phân theo nguồn vốn	28.781.567	
1	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	28.563.840	
-	Vốn ngân sách tập trung	1.040.840	
-	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	27.500.000	
-	Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết	23.000	
-	Vốn từ nguồn vượt thu, kết dư và vốn khác cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã giao		
2	Vốn ngân sách trung ương	217.727	
	<i>Trong đó:</i>		
+	<i>Đầu tư cho dự án quan trọng quốc gia, dự án liên kết vùng, dự án trọng điểm khác</i>	86.127	
-	<i>Vốn dự phòng NSTW năm 2023</i>		
II	Phân theo cấp ngân sách	28.781.567	
1	Vốn đầu tư	28.781.567	
a	Cấp tỉnh quản lý	18.652.927	
-	Ngân sách tập trung tỉnh quản lý	800.000	
-	Nguồn thu xổ số kiến thiết	23.000	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất	17.612.200	
	<i>Trong đó: + Khu Đại học Phố Hiến</i>		
	<i>+ Đầu tư xây dựng các công trình, dự án</i>		
-	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực	217.727	
	<i>Trong đó:</i>		
+	<i>Đầu tư cho dự án quan trọng quốc gia, dự án liên kết vùng, dự án trọng điểm khác</i>	86.127	
-	<i>Vốn dự phòng NSTW năm 2023</i>		
b	Cấp huyện quản lý	6.572.840	
-	NS tập trung phân cấp cho cấp huyện quản lý	240.840	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất giao đầu năm	6.332.000	
c	Cấp xã quản lý (nguồn thu tiền sử dụng đất)	3.555.800	



Phụ lục số II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2025 TỈNH HƯNG YÊN

(Kèm theo Nghị quyết số 516/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Ghi chú
1	2	3	5	6
	TỔNG SỐ		217.727	
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		124.889	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025			
1	Đầu tư xây dựng ĐT.382B nhánh phải (Km0+00-Km14+420 giao QL.39)	2736/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	38.762	
2	Dự án thành phần 1.2 của Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Vùng thủ đô Hà Nội: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm hệ thống đường cao tốc, đường song hành (đường đô thị), hạ tầng kỹ thuật và hành lang dự trữ đường sắt quốc gia) thuộc địa phận tỉnh Hưng Yên	1239/QĐ-UBND ngày 07/6/2023	86.127	
II	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THÔNG TIN		90.000	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025			
1	Tu bổ, tôn tạo quần thể di tích lịch sử và kiến trúc quốc gia đặc biệt Phố Hiến	2718/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	90.000	
III	LĨNH VỰC KHÁC		2.838	
	Dự án hoàn thành trước năm 2025			
1	Dự án di dân tái định cư vùng nguy cơ sạt lở bãi Phú Hùng Cường huyện Kim Động	723/QĐ-UBND ngày 14/4/2009	2.838	
	<i>Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước vốn NSTW</i>		2.838	

Rtun

Phụ lục số III
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NSNN NĂM 2025 TỈNH HƯNG YÊN
(Nguồn vốn ngân sách tập trung, nguồn thu tiền sử dụng đất)
(Kèm theo Nghị quyết số 516/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		
				NSTT	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ		7.529.584	800.000	6.729.584	
A	ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN		7.519.584	800.000	6.719.584	
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		5.625.091	540.185	5.084.906	
a	Dự án chuyển tiếp		5.094.091	540.185	4.553.906	
	Dự án nhóm A					
1	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên kéo dài, đoạn qua địa phận tỉnh Hưng Yên	1848/QĐ-UBND ngày 04/8/2021	283.916		283.916	
2	Dự án đường Tân Phúc - Võng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên	1142/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	1.169.600		1.169.600	
3	Dự án thành phần 2.2: Xây dựng đường song hành (đường đô thị) địa phận tỉnh Hưng Yên thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội	1228/QĐ-UBND ngày 01/6/2023	299.500		299.500	
	Dự án nhóm B					
1	Cải tạo, nâng cấp ĐT.376 đoạn từ địa phận xã Ngọc Long (Km6+050) đến địa phận xã Tân Việt (Km12+200)	99/QĐ-UBND ngày 12/01/2022	80.000	80.000		
2	Đường tránh ĐT.376 đoạn qua huyện Yên Mỹ và Ân Thi	989/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	250.000	100.000	150.000	
3	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.380 đoạn Km0+000 - Km2+800	2722/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	6.665	6.665		
4	Cải tạo, nâng cấp mở rộng ĐT.382 đoạn từ nút giao giữa tuyến tránh ĐT.376 với ĐT.382 đến giao với QL39 và đoạn tuyến quy hoạch mới tránh ngã tư Tân Việt	978/QĐ-UBND ngày 27/4/2023	52.000	52.000		
5	Xây dựng tuyến ĐT.377 đoạn quy hoạch mới tránh thị trấn Lương Bằng (từ Ngã ba Thuận Hưng đến giao với ĐH.71)	1157/QĐ-UBND ngày 25/6/2023	35.859	35.859		
6	Đường giao thông An Tảo - Trung Nghĩa (đoạn từ sông Điện Biên đến sông Tân An)	985/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	26.865	26.865		
7	Xây dựng đường bên đoạn km19+640 (giao QL.38B) đến Km24+240 (giao QL.39) tiếp giáp tuyến đường bộ nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	1576/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	338.800		338.800	
8	Xây dựng đường Chí Tân - Toàn Thắng (giao QL.39)	1574/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	293.400		293.400	
9	Xây dựng đường Chính Nghĩa - Phú Cường	1604/QĐ-UBND ngày 01/8/2023	342.500		342.500	
10	Đầu tư xây dựng đường ĐT.382B đoạn Km14+420 - Km26+730 (nhánh trái và nhánh phải)	1402/QĐ-UBND ngày 05/7/2023	312.590		312.590	
11	Đầu tư xây dựng ĐT.382B nhánh trái, đoạn Km2+350-Km14+420	1293/QĐ-UBND ngày 19/6/2023	221.000		221.000	
12	Đầu tư xây dựng đường Vân Du - Phù Ủng (đoạn từ nút giao ĐT.376 đến ĐT.382, huyện Ân Thi)	1489/QĐ-UBND ngày 19/7/2023	193.200		193.200	
13	Xây dựng đường tỉnh 376B (đoạn kết nối QL.39 với ĐT.386C)	1292/QĐ-UBND ngày 19/6/2023	219.400		219.400	
14	Dự án Xây dựng tuyến đường ĐT.384B (đoạn từ nút giao với tuyến đường bộ nối hai đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình đến giao với ĐT.378)	1083/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	300.000		300.000	
15	Dự án đầu tư Nâng cấp, mở rộng ĐT.387 đoạn từ nút giao QL.5 đến QL.38 (Km8+417 - Km15+700)	1157/QĐ-UBND ngày 03/6/2024	200.000		200.000	
16	Dự án đầu tư xây dựng đường Đông Tây I đoạn từ ĐT.378 đến ĐT.382B	897/QĐ-UBND ngày 03/5/2024	200.000		200.000	
17	Dự án đường ven sông Hồng, đoạn từ đường quy hoạch B=32m tại thôn Phi Liệt xã Liên Nghĩa đến đường quy hoạch vành đai 4 tại thôn Phú Trạch xã Mỹ Sơn, huyện Văn Giang	2551/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	41.390	41.390		
18	Xây dựng đường Chùa Chuông kéo dài, thành phố Hưng Yên	1888/QĐ-UBND ngày 06/9/2023	100.000	70.000	30.000	

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		
				NSTT	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7
19	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.62 (đoạn từ QL.38 cũ đến ĐT.384)	1602/QĐ-UBND ngày 01/8/2023	33.965	33.965		
20	Cải tạo, nâng cấp đường bờ sông Kê Sắt huyện Ân Thi (đoạn kết nối QL.38 tại xã Phù Ủng đến ĐT.378 tại xã Bãi Sậy)	2337/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	21.000	21.000		
Dự án nhóm C						
1	Cải tạo, nâng cấp nút giao giữa ĐH.18 và QL.5 tại Km13+500	603/QĐ-UBND ngày 20/3/2024	14.000	14.000		
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường ĐH.22 kéo dài từ ĐH.23 đến ĐT.379	893/QĐ-UBND ngày 03/5/2024	21.302	21.302		
3	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.66 (đoạn từ ĐT.376 cũ đến ĐH.63)	2119/QĐ-UBND ngày 13/10/2023	3.600	3.600		
4	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Đào Dương (đoạn từ giao ĐH.61 tại thôn Phần Lâm đến giao ĐT.384 tại thôn Đào Xá)	1226/QĐ-UBND ngày 01/6/2023	-	-		
5	Đường quy hoạch mới số 04 (điểm đầu giao với ĐT.376 cũ, điểm cuối giao ĐH.65)	2713/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	1.118	1.118		
6	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến đường vào Trường bản xã Hiệp Cường, huyện Kim Động	150/QĐ-UBND ngày 19/01/2024	3.800	3.800		
7	Đường giao thông xã Trung Nghĩa (đoạn từ sông Đổng Lỗ đến khu dân cư mới xã Trung Nghĩa)	2378/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	28.621	28.621		
b	Dự án khởi công mới		531.000	-	531.000	
Dự án nhóm B						
1	Xây dựng đường gom KCN phía nam đường Sắt từ Như Quỳnh đến Lương Tài (Phân kỳ giai đoạn 2 đoạn từ ĐT.380 đến Lương Tài)	1810/QĐ-UBND ngày 21/8/2024	100.000		100.000	
2	Dự án xây dựng đường gom ven 2 bên QL.39 thuộc địa bàn xã Chính Nghĩa và thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động	1513/QĐ-UBND ngày 19/7/2024	30.000		30.000	
3	Dự án xây dựng đường nối ĐT.376 với tuyến đường nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	1443/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	100.000		100.000	
4	Xây dựng tuyến đường nối từ QL.38B (đoạn qua địa phận xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ) đến đường ĐH.82 huyện Phù Cừ	1512/QĐ-UBND ngày 19/7/2024	35.000		35.000	
5	Dự án xây dựng Cầu Hải Hưng qua sông Chanh kết nối tỉnh Hưng Yên và Hải Dương	1990/QĐ-UBND ngày 18/9/2024	136.000		136.000	
6	Xây dựng đường dọc máng kênh Tây, từ trạm bơm Văn Giang đến ĐH.26	2264/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	100.000		100.000	
7	Xây dựng mới tuyến đường từ điểm giao QL.39 tại thôn Trương Xá, xã Toàn Thắng đến điểm giao đường nối hai cao tốc Hà Nội-Hải Phòng và Cầu Giẽ-Ninh Bình, kết nối mở rộng ĐH.73 huyện Kim Động từ K0+00 đến K1+500	2132/QĐ-UBND ngày 08/10/2024	30.000		30.000	
II	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN; THỦY LỢI		1.491.059	-	1.491.059	
a	Dự án chuyển tiếp		99.900	-	99.900	
Dự án nhóm B						
1	Cải tạo, nâng cấp đê tả sông Hồng, tỉnh Hưng Yên (đoạn từ K117+900 đến K127+000)	408/QĐ-UBND ngày 24/02/2023	45.000		45.000	
2	Dự án cải tạo, nạo vét và kè mái kênh Trần Thành Ngọ, tỉnh Hưng Yên	667/QĐ-UBND ngày 16/3/2023	54.900		54.900	
Dự án nhóm C						
b	Vốn các công trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		1.391.159	-	1.391.159	
<i>Trong đó: Phân bổ chi tiết các công trình theo Phụ lục 3a</i>			<i>256.215</i>		<i>256.215</i>	
III	LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ; PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH		25.094	25.094	-	
a	Dự án chuyển tiếp		25.094	25.094	-	
Dự án nhóm B						
1	Trường quay đa năng và các hạng mục phụ trợ Đài phát thanh và Truyền hình Hưng Yên	697/QĐ-UBND ngày 04/4/2024	19.999	19.999		

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		
				NSTT	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7
2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2022-2025	663/QĐ-UBND ngày 29/3/2024	5.095	5.095		
IV	LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP		88.833	88.833		-
a	Dự án chuyển tiếp		88.833	88.833		-
	Dự án nhóm C					
1	Nhà hiệu bộ và nhà lớp học Trường THPT Trung Vương	2702/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	3.653	3.653		
2	Nhà hiệu bộ kết hợp một số phòng học Trường THPT Văn Lâm	2782/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	570	570		
3	Xây dựng Nhà lớp học, phòng tổ bộ môn, Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Nguyễn Trung Ngạn	1263/QĐ-UBND ngày 12/6/2023	9.110	9.110		
4	Nhà lớp học 2 tầng 14 phòng Trường THCS xã Đào Dương	1603/QĐ-UBND ngày 01/8/2023	3.500	3.500		
5	Hỗ trợ đầu tư Dự án Nhà hiệu bộ kết hợp phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Mỹ Hào	1854/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	15.000	15.000		
6	Nhà tổ bộ môn, khu luyện tập thể thao có mái che và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Yên Mỹ	1483/QĐ-UBND ngày 18/7/2023	13.500	13.500		
7	Hỗ trợ đầu tư Dự án Trường THPT Hưng Yên, TP Hưng Yên (hạng mục: Nhà lớp học bộ môn, nhà lớp học 3 tầng 15 phòng và công trình phụ trợ)	2348/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	15.000	15.000		
8	Trường THPT Nguyễn Siêu, huyện Khoái Châu (Hạng mục: Xây dựng mở rộng nhà lớp học bộ môn và Bảo dưỡng, sửa chữa nhà lớp học)	2082/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	10.000	10.000		
9	Nhà lớp học bộ môn trường THPT Khoái Châu - cơ sở 1, huyện Khoái Châu	1903/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	10.000	10.000		
10	Hỗ trợ đầu tư dự án Nhà lớp học 4 tầng và một số hạng mục phụ trợ Trường THCS Tân Việt	2423/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	8.500	8.500		
V	LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		76.912	60.353	16.559	
a	Dự án chuyển tiếp		76.912	60.353	16.559	
	Dự án nhóm C					
1	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế thành phố Hưng Yên	2210/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	12.380	12.380		
2	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm y tế huyện Văn Lâm	718/QĐ-UBND ngày 09/04/2024	15.000	15.000		
3	Xây dựng Nhà chẩn đoán hình ảnh - xét nghiệm, Nhà hành chính - hội trường và nhà phẫu thuật Trung tâm Y tế huyện Khoái Châu	794/QĐ-UBND ngày 17/04/2024	20.000	20.000		
4	Khởi hành chính quản trị, nhà cầu và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Hưng Yên	822/QĐ-UBND ngày 06/4/2023	29.532	12.973	16.559	
VI	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI		25.000	25.000		
	Dự án nhóm C					
1	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh	2284/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	10.000	10.000		
2	Dự án công trình cải tạo, sửa chữa trụ sở Tỉnh ủy Hưng Yên	799/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	15.000	15.000		
VII	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG		30.535	30.535		-
	Dự án chuyển tiếp		30.535	30.535		-
	Dự án nhóm B					
1	Công trình: CBA1-18 tỉnh Hưng Yên	119/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	30.535	30.535		
IX	LĨNH VỰC VĂN HÓA, XÃ HỘI		20.000		20.000	
	Dự án khởi công mới					
	Dự án nhóm B					
1	Xây dựng quảng trường trung tâm huyện Khoái Châu	5422/QĐ-UBND ngày 06/11/2024	20.000		20.000	
VIII	CÁC DỰ ÁN KHU ĐẠI HỌC PHỔ HIỂN		67.060		67.060	
a	Dự án hoàn thành		60		60	
	Dự án nhóm C					

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		
				NSTT	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7
1	Dự án Khu dân cư mới phía Bắc Nu-9, Khu Đại học Phố Hiến	1242/QĐ-UBND ngày 01/6/20218; 236/QĐ-UBND ngày 20/01/2021	60		60	
b	Dự án chuyển tiếp		67.000	-	67.000	
	Dự án nhóm B		-			
1	Dự án Hoàn thiện đường trục trung tâm Khu Đại học Phố Hiến (đoạn từ đường HY3 đến đường bộ nối hai đường cao tốc	942/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	45.000		45.000	
2	Dự án Hoàn thiện đường trục phía Nam Khu Đại học Phố Hiến (đoạn từ đường HY3 đến đường bộ nối hai đường cao tốc)	941/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	10.000		10.000	
	Dự án nhóm C		-			
3	Đường trục phía Nam Khu Đại học Phố Hiến kéo dài (đoạn từ đường bộ nối hai đường cao tốc đến đường ĐH.72)	1258/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	12.000		12.000	
IX	CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT		70.000	30.000	40.000	
	Dự án chuyển tiếp					
	Dự án nhóm B					
1	Cải tạo, chỉnh trang một số tuyến đường phố nội thị thành phố Hưng Yên	2699/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	70.000	30.000	40.000	
B	BỔ SUNG VỐN CHO CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH		10.000	-	10.000	
	<i>Trong đó:</i>					
1	Quỹ bảo vệ môi trường					
2	Quỹ hỗ trợ nông dân		5.000		5.000	
3	Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã		5.000		5.000	
4	Quỹ phát triển đất		-		-	
5	Quỹ phòng chống tội phạm					

Phụ lục số IIIa:
KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 HỖ TRỢ CÁC XÃ THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Nguồn thu tiền sử dụng đất)

(Kèm theo Nghị quyết số 516/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Công trình/ dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025
1	2	3	7
TỔNG SỐ			256.215
I	THÀNH PHỐ HƯNG YÊN		28.904
1	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT xã Bảo Khê (Tuyến 1: Từ ngã ba nhà Hưng Thủy đi nhà anh Tài Lương; Tuyến 2: Từ công đền Tân La đi nhà văn hóa thôn Đoàn Thượng; Tuyến 3: Từ nhà Dương Ánh đến nhà ông Hành; Tuyến 4: Từ nhà ông Tám Tâm đến hết đến Tân La; Tuyến 5: Từ chợ Dốc đi nhà Phương Liên; Tuyến 6: Từ QL.39 đến đơn vị Hạt GT đường bộ 195; Tuyến 7: Từ đường ĐH.72 đến khu vực đồng Bùn)	4022/QĐ-UBND ngày 03/12/2024	7.200
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Hưng (đoạn 1: Từ dốc Đình Trung đến Đình Cà; đoạn 2: Từ nhà ông Lưu đến nhà ông Ân; đoạn 3: Từ nhà ông Nguyễn đến nhà ông Lạp; đoạn 4: Từ nhà ông Lộc đến ngã tư Tiểu)	1222/QĐ-UBND ngày 19/4/2024	4.000
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Hưng (Đoạn từ ngã 3 trục xã, nhà ông Duyên đến nhà bà Tò, thôn Quang Trung)	1224/QĐ-UBND ngày 19/4/2024	4.500
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hùng Cường (Đoạn từ đường trục xã Hùng Cường đến Cổng nhà ông Thuận)	1223/QĐ-UBND ngày 19/4/2024	6.000
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quảng Châu (Đoạn từ vườn nhà ông Huỳnh thôn 3 đến thôn 6 giáp xã Hoàng Hanh)	3144/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	7.204
II	HUYỆN TIÊN LŨ		12.000
1	Đường giao thông nông thôn thôn Bái Khê, xã Cương Chính (đoạn từ ĐH.92 đến nhà ông Đỗ)	96/QĐ-UBND ngày 16/4/2024	3.000
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Dị Chế (Đoạn 1: Từ nhà ông Bình đi bãi rác đồng Bàu; Đoạn 2: Từ ruộng nhà ông Tĩnh đi ruộng nhà bà Hiền; Đoạn 3: Từ ruộng nhà bà Hằng đi ruộng nhà ông Cường)	163/QĐ-UBND ngày 15/4/2024	3.000
3	Xây dựng Trạm y tế xã Lệ Xá	125/QĐ-UBND ngày 20/4/2024	3.000
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hải Triều (Đoạn từ cây xăng cũ đến ĐH.92 nhánh 2)	127/QĐ-UBND ngày 08/4/2024	3.000
III	HUYỆN PHÙ CỪ		20.000
1	Đường GTNT thôn Kim Phương, xã Minh Tiến (Từ đầu nghĩa trang đến sông Quyết Thắng)	1466/QĐ-UBND ngày 16/4/2024	2.000
2	Đường GTNT thôn Kim Phương, xã Minh Tiến (Từ đầu nghĩa trang đến ruộng nhà ông Huân)	1422/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	2.000
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Kim Phương, xã Minh Tiến (Đoạn từ nhà ông Hưu đến ruộng nhà ông Biên)	1411/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	1.000
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Phù Oanh, xã Minh Tiến (Đoạn 1: Từ nhà ông Mãng đến cây đa ông Sùng; Đoạn 2: Từ nhà bà Huyền đến ruộng nhà ông Sinh)	155/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	1.800
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Phù Oanh, xã Minh Tiến (Đoạn từ nhà ông Sang đến nhà ông Oai)	1412/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	1.200
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyên Hòa (đoạn 1 từ nhà ông Mạn đến nhà ông Chuyển, đoạn 2 từ nhà ông Thọ đến nhà ông Doanh thôn La Tiến)	160/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	1.000
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyên Hòa (đoạn 1 từ nhà ông Linh đến nhà ông Thuận, đoạn 2 từ nhà ông Vương đến nhà ông Thái thôn Sỹ Quý)	161/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	3.000
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyên Hòa (đoạn từ nhà ông Gắng thôn Sỹ Quý xuống ngòi Thanh Lan)	1480/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	1.500
9	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Đình Cao, thôn An Nhuế, thôn Văn Xa xã Đình Cao, huyện Phù Cừ	119/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	4.000
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường GTNT đoạn từ nhà ông Đạt đến cánh đồng Nam Dong thuộc thôn Trà Dương xã Tống Trân	2904/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	2.500
IV	HUYỆN AN THI		8.300
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồng Vân (đoạn từ nhà ông Ngưỡng đến nhà bà Mạn Trà Phương)	64/QĐ-UBND ngày 15/4/2024	1.200
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồng Vân (đoạn từ nhà trẻ thôn 4 đến nhà ông Phú thôn 4 Trà Phương)	65/QĐ-UBND ngày 16/4/2024	1.500
3	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Bảo Tàng và thôn Bình Cầu xã Quảng Lăng	226A/QĐ-UBND ngày 06/5/2024	1.200
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Văn Nhuệ (Từ nhà ông Thi đến đường Cái Ngang thôn Văn Trạch)	63B/QĐ-UBND ngày 15/4/2024	900
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Văn Nhuệ (Từ đường giữa làng đến nhà ông Lực, từ nhà bà Phòng đến nhà bà Hiệt và từ nhà ông Phúc đến nhà ông Sông, thôn Văn Trạch)	63C/QĐ-UBND ngày 15/4/2024	1.000

TT	Công trình/ dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025
1	2	3	7
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Văn Nhuệ (Đoạn 1: Từ nhà ông Bắc đến giếng đình thôn Anh Nhuệ; Đoạn 2: Từ nhà ông Hạnh đến nhà ông Thành thôn Anh Nhuệ)	63A/QĐ-UBND ngày 15/4/2024	2.500
V	HUYỆN KIM ĐỘNG		6.500
1	Xây dựng mới nhà làm việc 3 tầng, các hạng mục phụ trợ Trạm y tế xã Nghĩa Dân	397/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	6.500
VI	HUYỆN KHOÁI CHÂU		54.000
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Tân Châu (Đoạn từ UBND xã Tân Châu đến ngã ba Bà Vũng và kiên cố hóa kênh mương dọc tuyến)	1208/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	4.500
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đại Hưng (Đoạn 1: Điểm đầu từ trang trại nhà Dũng Thủy đến thung ba góc bên Cùg; Đoạn 2: Điểm đầu từ nghĩa trang nhân dân đến giáp xã Chí Tân)	129a/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	5.000
3	Xây dựng Trường Mầm non khu trung tâm xã Hồng Tiến	254/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	10.000
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Kết (đoạn từ trục thôn Đông Kết xóm 14, 15 đến trục thôn Lạc Thủy và đi Kênh Tây thôn Lạc Thủy)	186/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	1.000
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liên Khê (Đoạn từ dốc kênh đi cống mốc đá đường ĐH.59)	379/QĐ-UBND ngày 02/10/2024	2.000
6	Nhà hiệu bộ, lớp học bộ môn và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Tân Dân	350/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	5.500
7	Nhà hiệu bộ, lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non thôn Đa Hoà, xã Bình Minh	147/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	6.000
8	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Bình Minh	148/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	5.000
9	Xây dựng Trường mầm non Nhuế Dương	323/QĐ-UBND ngày 30/10/2024	5.000
10	Xây dựng Trạm Y tế xã Dân Tiến (các phòng chức năng và các công trình phụ trợ có liên quan)	421/QĐ-UBND ngày 02/10/2024	10.000
VII	HUYỆN YÊN MỸ		54.000
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Liêu Trung, xã Liêu xá (đoạn từ công ty An Phú đến đường ĐT.380)	58/QĐ-UBND ngày 02/5/2024	8.000
2	Xây dựng nhà hiệu bộ kết hợp lớp học, Nhà đa năng và các HMPT Trường THCS Thanh Long	95/QĐ-UBND ngày 02/5/2024	4.000
3	Nhà văn hóa thôn Yên Đô, xã Tân Việt	112a/QĐ-UBND ngày 07/5/2024	3.000
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Yên Phú (đoạn từ đường ĐT.381 đến thôn Tân Phú)	199/QĐ-UBND ngày 06/5/2024	3.000
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Việt Cường (đoạn từ đường gom cao tốc 5B đến cuối đường WB đi lên đường 382 xã Thanh Long và đoạn từ nhà ông Liên Thời đến nhà ông Oai Xuyên)	74a/QĐ-UBND ngày 22/5/2024	17.000
6	Nhà hiệu bộ, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học và THCS Ngọc Long	153/QĐ-UBND ngày 10/7/2024	15.000
7	Cải tạo nâng cấp đường giao thông liên thôn xã Ngọc Long	94/QĐ-UBND ngày 15/4/2024	4.000
VIII	THỊ XÃ MỸ Hào		11.000
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT các thôn Hiền Dương, Vũ Xá, Lê Xá xã Dương Quang	57/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	5.000
2	Cải tạo, nâng cấp đường trục Máy Kéo xã Hưng Long, thị xã Mỹ Hào	120/QĐ-UBND ngày 25/4/2024	6.000
IX	HUYỆN VĂN LÂM		20.000
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Nhạc Miếu, xã Lạc Hồng	120/QĐ-UBND ngày 02/7/2024	3.000
2	Xây dựng nhà văn hóa thôn Hồng Thái, xã Lạc Hồng	121/QĐ-UBND ngày 02/7/2024	5.000
3	Xây dựng tuyến đường giao thông xã Tân Quang (đoạn bao quanh Trường THCS)	371/QĐ-UBND ngày 16/7/2024	7.000
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Đình Dù, xã Đình Dù	392/QĐ-UBND ngày 25/9/2024	5.000
X	HUYỆN VĂN GIANG		41.511
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Xuân Quan (các tuyến đường thôn 7 và thôn 10)	64/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	14.000
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Xuân Quan (đoạn từ thôn 8 đi ĐT.379B)	179/QĐ-UBND ngày 22/10/2024	10.000
3	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông thôn Thượng Tân, xã Vĩnh Khúc	431/QĐ-UBND ngày 22/10/2024	6.000
4	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông thôn Vĩnh An, xã Vĩnh Khúc	419/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	4.500

TT	Công trình/ dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025
1	2	3	7
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Vàng và ngầm hóa kênh tiêu KT0 (đoạn từ ĐT.379B đến đường phía Tây) xã Cừu Cao	83/QĐ-UBND ngày 19/4/2024	4.011
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phụng Công (làng nghề hoa, cây cảnh)	89/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	3.000

Được

Ghi chú: Đối với các xã liên quan đến sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính, giao UBND cấp xã sau khi sắp xếp, sáp nhập làm chủ đầu tư, chịu trách nhiệm tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng công trình/dự án, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán công trình hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành và hướng dẫn về sắp xếp đơn vị hành chính; các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện (nếu có vướng mắc phát sinh).

Phụ lục số IIIb
KẾ HOẠCH VỐN PHÂN BỐ CHO CÁC NHIỆM VỤ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025
(Nguồn thu tiền sử dụng đất)

(Kèm theo Nghị quyết số 516/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

1	2	Kế hoạch năm 2025		5
		Tổng số	Nguồn thu sử dụng đất	
	TỔNG SỐ	77.540	77.540	
I	Cấp vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Hưng Yên	60.000	60.000	
II	Hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất đã ứng cho Trung tâm phát triển quỹ đất	17.540	17.540	

(Chữ ký)

Phụ lục số IV

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2025 CỦA CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số 5/16/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Nguồn vốn ngân sách tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất			Ghi chú
				Tổng số	Cấp huyện	Cấp xã	
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	10.128.640	240.840	9.887.800	6.332.000	3.555.800	
1	Thành phố Hưng Yên	785.297	40.297	745.000	560.000	185.000	
2	Thị xã Mỹ Hòa	1.720.616	22.116	1.698.500	1.190.000	508.500	
3	Huyện Văn Lâm	629.492	19.492	610.000	240.000	370.000	
4	Huyện Yên Mỹ	1.523.427	23.427	1.500.000	1.040.000	460.000	
5	Huyện Văn Giang	1.837.856	18.556	1.819.300	1.060.000	759.300	
6	Huyện Khoái Châu	710.362	30.362	680.000	370.000	310.000	
7	Huyện Ân Thi	1.375.677	25.677	1.350.000	900.000	450.000	
8	Huyện Kim Động	472.116	22.116	450.000	220.000	230.000	
9	Huyện Phù Cừ	694.305	19.305	675.000	480.000	195.000	
10	Huyện Tiên Lữ	379.492	19.492	360.000	272.000	88.000	

6/2024